Naturland
From Farm to Future

QUẢN LÝ ĐẤT CHO CÁC TRANG TRẠI THÍ ĐIỂM CHUYỂN ĐỔI SANG CANH TÁC HỮU CƠ TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

SOIL MANAGEMENT FOR PILOT FARMS CONVERTING TO ORGANIC FARMING IN THE MEKONG DELTA

Naturland
From Farm to Future

NỘI DUNG/ CONTENT

1. Giới thiệu
1. Introduction

2. Thách thức quản lý đất trong chuyển đổi sang canh tác hữu cơ
2. Challenges in Soil Management during the Conversion to Organic Farming

3. Thực hành quản lý đất trong canh tác hữu cơ
3. Soil Management Practices in Organic Farming

Naturland
From Farm to Future

1. GIỚI THIỆU
1. INTRODUCTION

Hiệp hội nông dân hữu cơ quốc tế lớn nhất

Với trụ sở tại Đức

Largest international organic farmers association based in Germany

Naturland
From Farm to Future

≈ 120.000 nông dân, người làm vườn, nuôi ong và ngư dân
≈ 120000 farmers, beekeepers and fisheries

Tiên phong làm công tác phi lợi nhuận từ 1982
Non-profit pioneer since 1982

8.000+ sản phẩm được chứng nhận
8000+ Certified products

Có thành viên tại 60 quốc gia
Presence in 60 Countries

1500 công ty đối tác
1500 Partner companies

Naturland
From Farm to Future

Naturland

Tiêu chuẩn/Standards

Sinh thái học
Ecology

Sản xuất & chế biến hữu cơ

Organic Production & Processing

Từ/Since 1982

Góc độ xã hội
Social Aspects

Trách nhiệm xã hội

Social Responsibility

Từ/Since 2005

Kinh tế
Economy

Thương mại công bằng

Fair Trade

Từ/Since 2010

Tác động toàn cầu của Naturland

Global Impact

Naturland
From Farm to Future

Hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang châu Âu

Products exported from VN to EU

Naturland
From Farm to Future

Hiện tại / Currently:

- Tôm / Shrimp
- Hạt điều / Cashew
- Gia vị / Spice

Tương lai gần / Future:

- Cacao / Cocoa
- Trái cây nhiệt đới / Tropical fruits
- Cà phê / Coffee
- Gạo / Rice
- Rau củ / Local vegetables

Naturland
From Farm to Future

Cải thiện chất lượng đất luôn được chúng tôi quan tâm

Improving soil quality is always our concern

Naturland
From Farm to Future

2. Thách thức quản lý đất trong chuyển đổi sang canh tác hữu cơ

2. Challenges in Soil Management during the Conversion to Organic Farming

THÁCH THỨC
CHALLENGES

Naturland
From Farm to Future

Sử dụng nhiều phân hóa học trong thời gian dài The long-term use of large amounts of chemical fertilizers	**Hạn chế nguồn vật tư hữu cơ tại địa phương** Limited availability of local organic inputs	**Tâm lý và kiến thức của nông dân và kỹ sư** Farmers' and technicians' awareness and expertise
Chất lượng đất thấp (pH thấp, hàm lượng chất hữu cơ thấp…) Poor soil quality (Low pH, low organic matter content…)	**Diện tích canh tác nhỏ** Smallholder farm	
	Chi phí đầu vào cao High input costs	

Naturland
From Farm to Future

3. Thực hành quản lý đất trong canh tác hữu cơ

3. Soil Management Practices in Organic Farming

ĐÀO TẠO VÀ TẬP HUẤN
TRAINING

Naturland
From Farm to Future

https://academy.naturland.org/

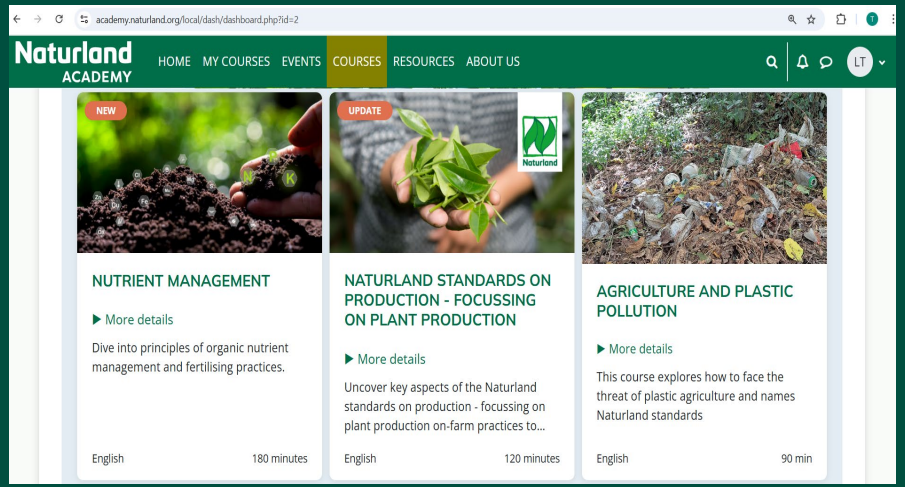

https://daotaohuuco.vn/

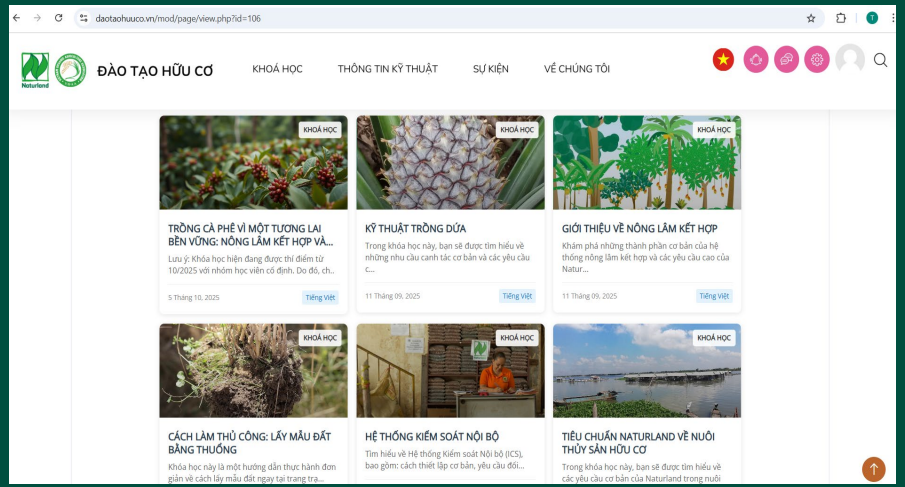

ĐÀO TẠO VÀ TẬP HUẤN
TRAINING

Naturland
From Farm to Future

Tập huấn có sự tham gia / Participatory training

Đánh giá, tư vấn tại vườn / On-farm assessment and consultation

Quản lý đất bền vững cần một sự kết hợp…

Sustainable soil management requires a balanced combination…

Naturland
From Farm to Future

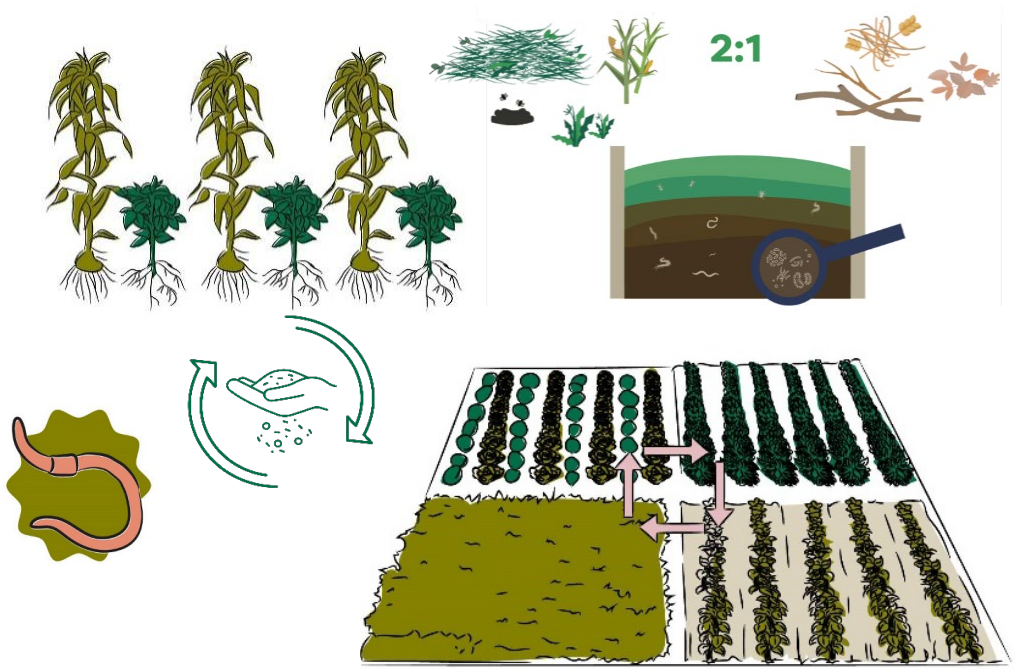

CHE PHỦ ĐẤT
MULCHING

Naturland
From Farm to Future

Vật liệu thực vật, dùng để phủ đất:
Sources of mulching material:

Từ cắt tỉa cành / tree prunings
Cỏ / Grass
Rơm rạ/ Straw

Mục tiêu:
Purposes:

Giữ ẩm cho đất / Maintain soil moisture
Cung cấp dinh dưỡng / Provide nutrients
Kiểm soát sự phát triển của cỏ / Keep spreading of weeds under control

TRỒNG CỎ ĐẬU VÀ CÂY PHÂN XANH

PLANTING LEGUME COVER CROPS AND GREEN MANURE PLANTS

Naturland
From Farm to Future

LUÂN CANH VÀ XEN CANH

CROP ROTATION AND INTERCROPPING

Naturland
From Farm to Future

"Đối với các loại cây trồng ngắn ngày – ví dụ như khoai tây, củ cải đường, ngũ cốc và bắp, cải dầu, ngô và các loại đậu: ***tối thiểu một phần năm diện tích đất canh tác phải được trồng cây họ đậu****. Tỷ lệ cây họ đậu yêu cầu cũng có thể được thực hiện thông qua việc trồng cây phủ đất hoặc xen canh."*

– Tiêu chuẩn Naturland về sản xuất, mục B.I.2. –

"In the case of arable crops - i.e., potatoes, sugar beets, cereals and corn, oilseed rape, maize, and beans: ***minimum of one fifth of the arable land is to be devoted to legumes****. The proportion of legumes required can also be achieved via cover crops and intercropping"*

– Naturland standards on production, B.I.2. –

PHÂN HỮU CƠ VÀ Ủ PHÂN HỮU CƠ (*)

ORGANIC FERTILIZER AND COMPOSTING (*)

Naturland
From Farm to Future

- Phân chuồng trại / Farmyard manure
- Phân xanh / Green manure
- Phân trùn quế / Vermicompost
- Than sinh học / Biochar
- Phân hữu cơ dạng lỏng được sản xuất tại trang trại / Farm-produced liquid organic fertilizer
- Phân hữu cơ thương mại / Commercial organic fertilizer

(*) Xem quy định chi tiết tại phụ lục 2 – Phân bón, chất cải tạo đất và chất dinh dưỡng được phép đề cập tại điểm (b) của Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848

(*) See detailed regulations in Annex 2 – Authorised fertilisers, soil conditioners and nutrients referred to in point (b) of Article 24(1) of Regulation (EU) 2018/848

PHÂN HỮU CƠ VÀ Ủ PHÂN HỮU CƠ (*)

ORGANIC FERTILIZER AND COMPOSTING (*)

Naturland
From Farm to Future

Phân chuồng / Manure

Cấm sử dụng nguồn gốc chăn nuôi công nghiệp
Factory farming origin forbidden
Không vượt quá 170kgN/ha/năm (tương đương lượng phân 2 con bò sữa trưởng thành)
Not exceed 170kgN/ha/year (Equivalent to the amount of manure produced by two adult dairy cows)

Than sinh học / Bio char

Chỉ từ nguồn gốc thực vật
Only from plant material
Tuân thủ quy định (EU) 2019/1009
Compliance with regulation (EU) 2019/1009

https://biochar-international.org/

PHỤ LỤC II Phân bón, chất cải tạo đất và chất dinh dưỡng được phép đề cập tại điểm (b) của Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848

ANNEX II Authorised fertilisers, soil conditioners and nutrients referred to in point (b) of Article 24(1) of Regulation (EU) 2018/848

Naturland
From Farm to Future

Đường dẫn / link:

https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A32021R1165

Name Compound products or products containing only materials listed hereunder	Description, specific conditions and limits
Farmyard manure	product comprising a mixture of animal excrements and vegetable matter (animal bedding and feed material) factory farming origin forbidden
Dried farmyard manure and dehydrated poultry manure	factory farming origin forbidden
Composted animal excrements, including poultry manure and composted farmyard manure included	factory farming origin forbidden
Liquid animal excrements	use after controlled fermentation and/or appropriate dilution factory farming origin forbidden
Composted or fermented mixture of household waste	product obtained from source separated household waste, which has been submitted to composting or to anaerobic fermentation for biogas production only vegetable and animal household waste only when produced in a closed and monitored collection system, accepted by the Member State maximum concentrations in mg/kg of dry matter: cadmium: 0,7; copper: 70; nickel: 25; lead: 45; zinc: 200; mercury: 0,4; chromium (total): 70; chromium (VI): not detectable
Peat	use limited to horticulture (market gardening, floriculture, arboriculture, nursery)
Mushroom culture wastes	the initial composition of the substrate shall be limited to products of this Annex
Dejecta of worms (vermicompost) and insect frass-substrate mixture	where relevant in accordance with Regulation (EC) No 1069/2009
Guano	

Naturland
Verband für ökologischen Landbau e.V.
Kleinhaderner Weg 1
82166 Gräfelfing

+49 (0)89 898082-0
naturland.de